

Bản án số: 07/2021/HNGĐ - ST

Ngày 04 tháng 03 năm 2021

V/v: *Tranh chấp về hôn nhân và gia đình,*

Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG XUÂN, TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tâm

Các hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Ngọc và Hà Thị Hòa

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân không thuộc trường hợp tham gia phiên tòa;

Ngày 04 tháng 03 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 155/2020/TLST- HNGĐ ngày 19/11/2020 về: “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐST - HNGĐ ngày 04/02/2021 giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn:* Chị Vi Thị N, sinh năm 1993 (*có mặt*).

+ *Bị đơn:* Anh Vi Văn P, sinh năm 1987 (*có mặt*).

Cùng trú tại: Thôn T, xã XT, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 09/11/2020; trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Vi Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị Vi Thị N và anh Vi Văn P chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện và có tổ chức cưới hỏi theo phong tục của địa phương vào năm 2008, đến ngày 01 tháng 12 năm 2010 vợ chồng mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã XT, huyện Thường Xuân. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian là 10 năm, đến năm 2017 nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn, vợ chồng thường xuyên cãi cọ, bất đồng quan điểm sống, anh P uống rượu về chửi bới, xúc phạm chị, bố mẹ đẻ chị N. Tháng 02/2020 vợ chồng có thống nhất chị N đi làm ăn xa, chị thường liên lạc về cho gia đình, gửi tiền về nuôi con. Khi về thăm gia đình chồng con thì vợ chồng lại nảy

sinh mâu thuẫn. Gia đình hai bên nội, ngoại đã hòa giải nhiều lần nhưng anh P vẫn không thay đổi. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 04/2020 đến nay, trong thời gian ly thân chị N về ở với bố mẹ đẻ, công việc của ai người đó tự lo, không ai quan tâm đến ai nữa. Nay xét thấy tình cảm giữa chị và anh P không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng sống với nhau không có hạnh phúc nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vi Văn P.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là: Vi Anh T, sinh ngày 14/3/2009 và Vi Thị T, sinh ngày 03/8/2013. Vợ chồng ly hôn chị N đề nghị mỗi người nuôi một cháu, chị N xin nuôi cháu T, anh P nuôi cháu T1, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Vi Văn Phong trình bày:

Về hôn nhân: Anh Vi Văn P đồng ý với phần trình bày về đăng ký kết hôn của chị Vi Thị N. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì, do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn nên tháng 02/2020 vợ chồng có thống nhất với nhau để cho chị N đi làm ăn, hai tháng đầu chị N thường xuyên gọi điện hỏi thăm chồng con, gửi tiền về lo cho gia đình. Từ tháng 4/2020 đến nay chị N ít quan tâm đến gia đình, không gửi tiền về cho anh P nuôi con ăn học, chị không có trách nhiệm gì với gia đình. Chị N có về nhà hai lần nhưng không ở nhà với chồng con mà ở nhà bố mẹ đẻ đẻ. Từ khi chị N đi làm, vợ chồng sống ly thân nhau, nay chị N làm đơn xin ly hôn anh xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh P xác định trong cuộc sống vợ chồng có cãi cọ nhau, bất đồng quan điểm nhưng mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng anh đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng quay lại đoàn tụ, anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là: Vi Anh T, sinh ngày 14/3/2009 và Vi Thị T1, sinh ngày 03/8/2013. Chị N cương quyết ly hôn anh P xin nuôi cả hai con và đề nghị chị N cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản; công nợ: Chị Vi Thị N và anh Vi Văn P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1].*Về thủ tục tố tụng:* Chị Vi Thị N có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân xin ly hôn với anh Vi Văn P. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, quá trình giải quyết vụ án các đương sự chấp hành pháp luật.

[2].*Về hôn nhân:* Chị Vi Thị N và anh Vi Văn P, kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, đủ cơ sở xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Xét nguyện vọng xin ly hôn của chị N là có cơ sở, trong

cuộc sống vợ chồng giữa chị N và anh P phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi cọ, bất quan điểm sống nên từ tháng 04/2020 đến nay chị N, anh P đã sống ly thân nhau. Quá trình giải quyết vụ án anh Phong cũng xác định anh và chị N có mâu thuẫn, trong cuộc sống vợ chồng xảy ra cãi cọ nhau, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần để vợ chồng có cơ hội hàn gắn tình cảm nhưng vợ chồng vẫn không thể quay lại đoàn tụ với nhau được. Ngày 31/12/2020 chị Nghĩa đã cung cấp cho Tòa án tình trạng mâu thuẫn vợ chồng trong quá trình chung sống. Như vậy xác định mâu thuẫn giữa chị N và anh P đã lâm vào tình trạng trầm trọng việc anh chị thường xuyên bất đồng quan điểm sống, hay cãi cọ, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N.

[3] *Về con chung*: Vợ chồng công nhận có 02 con chung là: Vi Anh T, sinh ngày 14/3/2009 và Vi Thị T, sinh ngày 03/8/2013.

Xét nguyện vọng xin nuôi con của chị Vi Thị N và anh Vi Văn P, Hội đồng xét xử thấy rằng: Nguyên vọng xin nuôi con của anh, chị là hoàn toàn chính đáng, hai cháu Vi Anh T và Vi Thị T1, đang trong độ tuổi đi học, do đó rất cần sự quan tâm chăm sóc ăn học cho cả hai cháu là trách nhiệm của bố, mẹ. Tuy nhiên, cả hai cháu Vi Anh T và Vi Thị T1 không muốn bố, mẹ ly hôn mà có nguyện vọng ở với cả bố và mẹ. Tại phiên tòa chị Vi Thị N vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn, chị đề nghị mỗi người nuôi một cháu, chị N xin nuôi cháu Vi Thị T1, còn anh P nuôi cháu Vi Anh T, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét nguyện vọng của anh P xin nuôi cả hai cháu Vi Anh T và Vi Thị T, yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận thấy để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp cho các đương sự, cũng như quyền lợi của con chưa thành niên. Mặt khác, chị N, anh P đều là người có thu nhập ổn định, vì vậy, căn cứ Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật HN&GD năm 2014 giao cho mỗi người nuôi một cháu là phù hợp. Giao cháu Vi Thị T1 cho chị Vi Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Vi Anh T cho anh Vi Văn P trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung, các bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] *Về tài sản; công nợ*: Chị Vi Thị N và anh Vi Văn P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Chị Vi Thị N phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 5; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định “*Về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*”.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vi Thị N.

Về hôn nhân: Chị Vi Thị N được ly hôn anh Vi Văn P.

Về con chung: Giao cháu Vi Thị T1 cho chị Vi Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Vi Anh T cho anh Vi Văn P trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung, các bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản; công nợ: Chị Vi Thị N và anh Vi Văn P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Buộc chị Vi Thị N phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Chị N đã nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí theo biên lai số 0003059 ngày 19/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, số tiền này được chuyển thành tiền án phí của chị N phải nộp.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Vi Thị N, bị đơn anh Vi Văn P được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (04/03/2021).

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thường Xuân;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS huyện Thường Xuân;
- UBND xã Xuân Thắng;
- Dương sự;
- Lưu HSVA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*đã ký*)

Lê Thị Tâm